

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-11-2024

V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Hồng Trang

Ông Trần Văn Cương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Đông Sang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 248/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2024 về "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Hồng L - Sinh năm 1990 - Địa chỉ: Ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Võ Hoàng L1 - Sinh năm 1978 - Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05-9-2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Hồng L trình bày:

Bà và ông Võ Hoàng L1 đăng ký kết hôn vào ngày 31-5-2021 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24/2021 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng đã sống chung hạnh phúc với nhau được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi vã. Hiện tại bà và ông L1 sống ly thân từ tháng 8-2024 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Hoàng Lưu .

Về nuôi con chung: không có.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông L1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Hồng L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Võ Hoàng L1, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông L1 được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Bà Lê Hồng L và ông Võ Hoàng L1 chung sống có đăng ký kết hôn ngày 31-5-2021 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông L1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử nhận định: Bà L cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Ông bà đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông L1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân với bà L. Vì vậy, qua lời trình bày của bà L nhận thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông L1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà L yêu cầu ly hôn với ông L1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: không có.

[6] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[7.1] Bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

[7.2] Ông Lưu K phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Hồng L được ly hôn với ông Võ Hoàng L1.
2. Về nuôi con chung: không có, không yêu cầu toàn án giải quyết.
3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Hồng L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0004712 ngày 26-9-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).
5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.
6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Gái